

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng D – sinh năm: 1954;

*Địa chỉ:* Số 81, đường T, khu phố K, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Lê Quang K – sinh năm: 1959 và bà Trương Thị T – sinh năm: 1966.

*Cùng địa chỉ:* Khu phố T, phường Q, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của bà Trương Thị T là ông Lê Quang K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Cao Thị O – sinh năm: 1959

*Địa chỉ:* Số 81, đường T, khu phố K, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của bà Cao Thị O là ông Nguyễn Hồng D.

## 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất việc có ký hợp đồng chuyển nhượng và bàn giao quyền sử dụng đất ở ngày 28 tháng 04 năm 2017. Ông Lê Quang K và bà Trương Thị T có nhận của ông Nguyễn Hồng D và bà Cao Thị O 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Hai bên thống nhất hợp đồng chuyển nhượng và bàn giao quyền sử dụng đất ở ngày 28 tháng 04 năm 2017 là vô hiệu. Ông Lê Quang K, bà Trương Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hồng D và bà Cao Thị O số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và chia theo các kỳ trả nợ như sau:

- Kỳ thứ nhất ngày 30/3/2021 trả 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) .
- Kỳ thứ hai ngày 30/5/2021 trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Kỳ thứ ba ngày 30/7/2021 trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Kỳ thứ tư ngày 30/9/2021 trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Kỳ thứ năm ngày 30/11/2021 trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Nếu đến hạn mà ông K, bà T không thanh toán đúng và đủ số tiền này thì ông D, bà Oánh có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Ông Lê Quang K thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Quang K.

Bà Trương Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000đ (tám triệu đồng)

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***(đã ký)***

**Nguyễn Văn Hùng**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

